

Bản án số: 125/2021/HS-PT

Ngày: 25/3/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
*Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Huân.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Vũ Tất Trình

2. Ông Vũ Văn Lệ

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thanh Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2021/HS-PT ngày 01/02/2021 đối với bị cáo Phạm Đức A, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 898/2021/QĐXXPT-HS ngày 04/3/2021, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 203/2020/HS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Phạm Đức A**; giới tính: nam; sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 205/33 đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 304 lô A chung cư E, đường G, phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Quang L (chết) và bà Trần Thị M; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giam: 19/8/2020;

Thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú: 27/8/2020;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*Người có liên quan đến kháng cáo:*

*Bị hại:*

1. **Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng N**; địa chỉ: 848 đường N, Phường O, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Lê Văn Q**; sinh năm 1975; nơi cư trú: 745/97/17 đường N, Phường 12, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng thành viên của **Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng N**); vắng mặt.

2. Ông **Phạm Huỳnh R**; sinh năm 1996; nơi cư trú: xã S, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Phạm Đức A** là nhân viên lễ tân (làm thủ việc) tại khách sạn Golf Star, của Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng N, địa chỉ số 848 đường N, Phường O, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Khách sạn). Công việc của A là thu tiền của khách và hướng dẫn cho khách khi đến khách sạn; thời gian làm việc là từ 13 giờ đến 23 giờ trong mỗi ngày. Khoảng 16 giờ ngày 26/4/2019, chị Nguyễn Thị Bích Tiên là nhân viên của Khách sạn xuống quầy lễ tân thì không thấy A đâu. Qua kiểm tra camera thì phát hiện được trước đó A đã chiếm đoạt 8.524.000đ của Khách sạn và 01 chiếc điện thoại di động Vivo Y71 của khách gửi ở quầy lễ tân. Số tiền đã nêu là tiền của khách sạn thu của khách đến giao dịch trong ngày; còn chiếc điện thoại di động là của anh **Phạm Huỳnh R** (khách thuê phòng Khách sạn) gửi cho A cất giữ vào lúc 15 giờ cùng ngày để làm tin vì anh R chưa thanh toán tiền dịch vụ cho khách sạn.

Theo kết luận định giá tài sản số 156/KL ngày 19/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc điện thoại Vivo Y71 đã đề cập có trị giá 1.533.000đ.

Ngày 26/6/2019 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án. Ngày 26/8/2019, Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án vì hết thời hạn điều tra vẫn chưa xác định được đối tượng phạm tội. Ngày 19/8/2020, A đến Công an Phường O, quận D đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, A khai nhận rằng A đã sử dụng số tiền 8.524.000đ để tiêu xài cá nhân; còn chiếc điện thoại thì A sử dụng cho cá nhân được một thời gian thì bị hỏng nên A đã vứt bỏ.

Trong quá trình điều tra, gia đình A đã tự nguyện thay cho A bồi thường 12.000.000đ cho Khách sạn. Trước đó, Khách sạn cũng đã tự nguyện bồi thường cho anh R chiếc điện thoại bị A chiếm đoạt. Các bị hại không còn có yêu cầu gì đối với A; ông Q đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho A.

Tại bản cáo trạng số 205/CTr-VKS ngày 17/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố Phạm Đức A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 203/2020/HS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Đức A 6 (sáu) tháng tù tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù được tính kể từ ngày chấp hành án và được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2020 đến ngày 27/8/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

Ngày 31/12/2020, bị cáo A có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án mà Tòa án nhân dân quận D xử phạt đối với bị cáo là quá nặng; bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, không áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

#### ***Tại phiên tòa phúc thẩm,***

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau:

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình thuộc thành phần lao động nghèo; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, thì bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, xử phạt bị cáo 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 1 năm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng: Bị cáo Phạm Đức A là nhân viên thủ việc làm tại khách sạn Golf Star của Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng N, địa chỉ số 848 đường N, Phường O, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Khách sạn). Lợi dụng việc được

giao thu và giữ tiền của khách đến giao dịch với Khách sạn, vào ngày 26/4/2019, A đã chiếm đoạt của Khách sạn 8.524.000đ. Ngoài ra, A còn chiếm đoạt của anh Phạm Huỳnh R chiếc điện thoại Vivo Y71 có trị 1.533.000đ, là chiếc điện thoại mà anh R giao cho A cất giữ để đảm bảo cho việc thanh toán tiền còn thiếu Khách sạn.

[2].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự công cộng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là trái pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

[3].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4].Về kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình thuộc thành phần lao động nghèo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

Sau khi ra đầu thú, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, cần áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại phiên tòa sơ thẩm “*bị cáo có những lời khai không thật thà*” nhưng không nêu ra nội dung cụ thể; đồng thời dựa vào nhận định đã nêu để không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình là thiếu tính thuyết phục.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo. Đối chiếu với quy định của pháp luật, bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Căn cứ vào các nhận định đã nêu; căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, cần cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[5].Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Sửa bản án sơ thẩm số 203/2020/HS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Phạm Đức A** 6 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)./.*

**Nơi nhận:**

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận D;
- PC53 - CATP;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Chi Cục THA quận D;
- TAND quận D;
- Công an quận D;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (24).

- (1)
- (1)
- (3)
- (1)
- (1)
- (1)
- (3)
- (1)
- (2)
- (1)
- (1)
- (1)
- (4)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Công Huân**